

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2024.

*“Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hồng Hà và bà Nguyễn Thị Hiên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trịnh Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1987. Vắng mặt.

HKTT: thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

*** Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1987. Vắng mặt.

HKTT: thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

*** Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Văn Á - sinh năm 1979. Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn T1 - sinh năm 1983. Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/11/2007. Sau khi cưới, vợ

chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận nhiều năm và có 03 người con chung với nhau. Đến năm 2017, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M không tu chí làm ăn, tính nết gia trưởng, ngang ngược và chửi mắng vợ con, không cho vợ tiếp xúc, gặp gỡ người thân trong gia đình. Đầu năm 2024, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do anh M cho rằng chị bị ma nhập, hay cãi lại chồng, không chịu nghe lời nên đã đuổi mẹ con chị, không cho ở nhà. Chị xác định cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên đã đưa cả 03 con đến ở nhờ nhà anh trai, từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, níu kéo cuộc sống chung, thậm chí anh M còn đến chỗ ở của mẹ con chị để đánh chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn M để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 27/10/2007, Nguyễn Thị Thùy T2, sinh ngày 29/11/2008 và Nguyễn Phước L1, sinh ngày 14/02/2014, hiện tại cả 03 con đang ở với chị. Nguyên vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn, tự nguyện không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi các con chung và cam kết có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi các con đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương vào năm 2007. Sau khi cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung vui vẻ, hòa thuận nhiều năm và không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Đến đầu năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T trúng tà, bị yêu nghiệt nhập thể xác, thường xuyên cáu gắt, cãi náo nên anh phải dùng phạt pháp để trừ ma diệt tà, dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm, chị T đã đưa các con đến ở nhờ nhà anh trai tại thôn Đ, xã L, từ đó vợ chồng sống ly thân. Tuy nhiên, anh xác định việc chị T làm đơn xin ly hôn anh là do trúng tà, chứ anh không ghét bỏ vợ con nên anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị T trình bày. Anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm về việc nuôi con, các con có nguyện vọng ở với ai là quyền của các con, anh không ngăn cản.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn Á trình bày: Anh là anh trai ruột anh M, chị T là em dâu. Chị T và anh M xây dựng gia đình từ năm 2007 và tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc nhiều năm. Đầu năm 2024, vợ chồng anh chị Thuần M đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M theo tà đạo, không làm bất cứ một công việc gì và luôn cho rằng vợ con có con yêu nghiệt trong người, dẫn đến cãi nhau và sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh M là quyền quyết định của vợ chồng, đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

Người làm chứng anh Phạm Văn T1 trình bày: Anh là anh trai ruột chị T, anh M là em rể. Chị T và anh M tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2007. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống vui vẻ hòa thuận nhiều năm. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị Thuận M là do anh M thay đổi tính nết, không có công ăn việc làm, không biết lo toan cho cuộc sống gia đình, hàng ngày đọc kinh, mê muội tư tưởng Nhất quán đạo, cho rằng vợ con và người thân trong gia đình đều bị ma nhập thể xác nên anh M không muốn gần gũi, quan hệ với ai, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân, mẹ con chị T phải ở nhờ nhà anh từ đầu năm 2014 cho đến nay. Mẹ con chị T ở nhờ nhà anh vẫn đảm bảo, ổn định về nơi ăn chốn ở, không bị xáo trộn cuộc sống sinh hoạt. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh M đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M; Về con chung: Giao chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 27/10/2007, Nguyễn Thị Thùy T2, sinh ngày 29/11/2008 và Nguyễn Phước L1, sinh ngày 14/02/2014 đến khi các con thành niên; chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung. Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị T khởi kiện về việc ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh Nguyễn Văn M là bị đơn có địa chỉ tại thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Phạm Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn M vắng mặt đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành

xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Phạm Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/11/2007 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh M và chị T tổ chức cuộc sống chung vui vẻ hòa thuận cho đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, mỗi người sống một nơi. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M theo Nhất quán đạo, tính nết thay đổi, không chịu lao động, cho rằng mẹ con chị T bị ma nhập, yêu nghiệt nhập thể xác nên đã đuổi mẹ con chị T không cho ở nhà. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, chị T không mong muốn quay lại đoàn tụ và kiên quyết xin được ly hôn; phía anh M mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng không tìm biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo cuộc sống chung mà còn đến nơi ở của mẹ con chị T gây sự, đánh chị T phải đi nằm viện. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh M không có hạnh phúc. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 27/10/2007, Nguyễn Thị Thùy T2, sinh ngày 29/11/2008 và Nguyễn Phước L1, sinh ngày 14/02/2014. Hiện tại cả 03 con đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung sau khi ly hôn và tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi các con; anh M không có quan điểm về việc nuôi dưỡng các con. Xét thấy các con chung của anh chị đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T có công việc và nơi ở ổn định, mức thu nhập hàng tháng khoảng 10 đến 12 triệu đồng/1 tháng; anh M hiện không có công ăn việc làm, không có thu nhập và không có đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Ngoài ra, cả 03 con của anh chị đều có nguyện vọng được ở với mẹ, không muốn về ở với bố. Xét nguyện vọng xin được nuôi cả 03 con của chị T là hoàn toàn chính đáng và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử cần giao cả 03 con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành và chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M phải đóng góp tiền nuôi các con. Anh M vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản: Chị T và anh M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2- Về con chung: Giao chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 03 người con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 27/10/2007, Nguyễn Thị Thùy T2, sinh ngày 29/11/2008 và Nguyễn Phước L1, sinh ngày 14/02/2014 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung sau khi ly hôn.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0000218 ngày 24/6/2024 (chị T đã nộp đủ án phí).

4- Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Cẩm Giàng;
 - Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
 - UBND xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng
- (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Ngọc Khuyến